

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 121/2024/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 26

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 3130 /TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 82/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Quản lý công sản, Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Nghị quyết số 121/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng, gồm: mua sắm; thuê; khai thác; thu hồi; điều chuyển; bán; quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản công phục vụ hoạt động của dự án.

2. Ngoài các nội dung được quy định tại Nghị quyết này, các nội dung khác về phân cấp, quy định về thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng;

2. Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy (là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) áp dụng phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công như cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng

1. Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác.

3. Máy móc, thiết bị và các tài sản khác (bao gồm cả vật tiêu hao) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan nhằm quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức thực hiện mua sắm, thuê tài sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Phù hợp với quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị và quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao)

1. Đối với tài sản công (*bao gồm tài sản công là vật tiêu hao*) của cơ quan nhà nước trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật pháp luật khác có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong các trường hợp sau:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác.
- c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác (*trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này*):

- Tài sản có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 10 tỷ đồng trở lên/một lần (*một gói*) mua sắm.

- Gói tài sản có tổng giá trị dưới 10 tỷ đồng/một lần (*một gói*) mua sắm trong đó danh mục mua sắm có tài sản có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương (*trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này*) quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp mua sắm cho cơ quan, đơn vị:

Tài sản có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc dưới 10 tỷ đồng/một lần (một gói) mua sắm.

b) Trường hợp mua sắm cho cơ quan, đơn vị trực thuộc:

- Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tổng giá trị từ 01 tỷ đến dưới 10 tỷ đồng/một lần (một gói) mua sắm.

- Gói tài sản có tổng giá trị dưới 01 tỷ đồng/một lần (một gói) mua sắm trong đó danh mục mua sắm có tài sản có giá trị từ 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác cho cơ quan, đơn vị trực thuộc (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này) trong các trường hợp sau:

a) Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tổng giá trị từ 01 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/một lần (một gói) mua sắm.

b) Gói tài sản có tổng giá trị dưới 01 tỷ đồng/một lần (một gói) mua sắm trong đó danh mục mua sắm có tài sản có giá trị từ 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Cơ quan, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương; các phòng, ban hoặc tương đương thuộc cấp huyện quản lý; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá trị dưới 01 tỷ đồng/một lần (một gói) mua sắm tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này).

6. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác cho cơ quan, đơn vị (bao gồm mua theo từng đơn vị tài sản hoặc mua một lần (một gói) tài sản và không kể giá trị của tài sản hoặc gói mua sắm tài sản).

7. Các trường hợp mua sắm chưa được quy định tại điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

8. Đối với việc mua sắm tài sản công thuộc Danh mục tài sản mua sắm tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này) quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác.

c) Máy móc, thiết bị và tài sản khác (*không kể số tiền thuê tài sản*).

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương; Ủy ban nhân dân cấp huyện (*trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này*) quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác.

c) Máy móc, thiết bị và tài sản khác với số tiền thuê có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/năm/01 đơn vị tài sản.

3. Cơ quan, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương; các phòng, ban hoặc tương đương thuộc huyện quản lý; Ủy ban nhân dân cấp xã (*trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này*) quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác với số tiền thuê có giá trị dưới 500 triệu đồng/năm/01 đơn vị tài sản.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương (*trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này*) quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan, đơn vị và các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công của các cơ quan, đơn vị trực thuộc (*trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này*).

3. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan tổ chức, đơn vị trong các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

b) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác.

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương quyết định thu hồi tài sản công là máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị trực thuộc.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công là máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong các trường hợp sau:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- b) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác.
- c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp sau:
 - Điều chuyển tài sản công giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương và giữa các huyện.
 - Điều chuyển tài sản công từ sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương sang cấp huyện hoặc cấp xã và ngược lại.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công là máy móc, thiết bị và các tài sản khác (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này*) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong các trường hợp sau:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- b) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác.
- c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác trong trường hợp sau:
 - Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (*trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này*) của cơ quan, đơn vị.
 - Bán từ 02 tài sản công trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong đó có tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương (*trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này*) quyết định bán máy móc, thiết bị và các tài sản khác các trường hợp sau:

- a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị.
- b) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị trực thuộc.

c) Bán từ 02 tài sản công trở lên của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, trong đó có tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán máy móc, thiết bị và các tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (*trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này*) trong các trường hợp sau:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Bán từ 02 tài sản công trở lên, trong đó có tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Cơ quan, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương; các phòng, ban hoặc tương đương thuộc huyện quản lý; Ủy ban nhân dân cấp xã (*trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này*) quyết định bán tài sản công là máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản công được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (*trừ tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và phương tiện vận tải khác*).

Điều 11. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức đấu giá.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công trong các trường hợp sau:

a) Nhà, công trình sự nghiệp hoặc tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác.

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương (*trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này*) quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan, đơn vị trong các trường hợp sau:

a) Nhà, công trình sự nghiệp hoặc tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong các trường hợp sau:

a) Nhà, công trình sự nghiệp hoặc tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Cơ quan, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương; các phòng, ban, hoặc tương đương thuộc huyện quản lý; Ủy ban nhân dân cấp xã (*trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này*) quyết định thanh lý tài sản công là máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý trong các trường hợp sau:

a) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương và trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy đối với tài sản công là xe ô tô và các phương tiện vận tải khác.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công là máy móc, thiết bị và các tài sản khác của cơ quan, đơn vị và các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý đối với tài sản công là xe ô tô và các phương tiện vận tải khác trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công là máy móc, thiết bị và các tài sản khác trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, đơn vị và các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án giao, quyết định điều chuyển tài sản phục vụ hoạt động của dự án cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản phục vụ hoạt động của dự án cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

2. Đối với tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt: Việc quyết định giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo khoản 1 Điều này.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định về phân cấp đảm bảo theo quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng được quy định tại Nghị quyết này.

b) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện quản lý tài sản công theo quy định.

c) Tổng hợp tình hình, báo cáo kết quả thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Quyết định quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc về quản lý sử dụng, lập và quản lý hồ sơ về tài sản, thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định.

d) Xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

e) Báo cáo kết quả thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp và thực hiện công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định./.